

CÔNG TY CỔ PHẦN XD HẠ TẦNG CII
185 HOA LAN, PHƯỜNG 2, PHÚ NHUẬN, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2018

TP.HỒ CHÍ MINH-2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

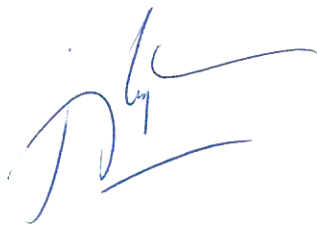
MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,185,786,693,389	1,297,057,929,458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	13,685,804,565	95,472,356,908
1. Tiền	111		3,568,304,565	85,472,356,908
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,117,500,000	10,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161,001	161,001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161,001	161,001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		691,774,197,116	717,522,430,930
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	104,125,195,915	140,754,823,130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	140,702,532,843	231,145,139,506
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	281,429,584,546	197,574,190,058
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.a	168,649,354,422	151,180,748,846
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(3,132,470,610)	(3,132,470,610)
IV. Hàng tồn kho	140		473,544,067,810	478,112,068,354
1. Hàng tồn kho	141	5	473,544,067,810	478,112,068,354
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,782,462,898	5,950,912,264
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.a	246,980,064	160,946,581
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,535,482,834	5,789,965,683
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		289,309,932,784	292,385,771,316
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,194,520,841	4,194,520,841
5. Phải thu dài hạn khác	216	4.b	4,194,520,841	4,194,520,841
II. Tài sản cố định	220		34,395,129,611	36,078,671,120
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	7,704,594,154	8,342,202,027
- Nguyên giá	222		25,035,138,252	25,035,138,252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17,330,544,098)	(16,692,936,225)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	26,660,567,431	27,701,501,067
- Nguyên giá	225		33,309,876,347	33,309,876,347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6,649,308,916)	(5,608,375,280)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	29,968,026	34,968,026
- Nguyên giá	228		160,000,000	160,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130,031,974)	(125,031,974)
III. Bất động sản đầu tư	230	10	4,997,156,733	4,997,156,733
- Nguyên giá	231		5,836,987,368	5,836,987,368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839,830,635)	(839,830,635)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	232,610,000,000	232,610,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		112,610,000,000	112,610,000,000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		120,000,000,000	120,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13,113,125,599	14,505,422,622
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.b	13,113,125,599	14,505,422,622
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,475,096,626,174	1,589,443,700,773

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		996,625,073,219	1,123,266,451,239
I. Nợ ngắn hạn	310		987,221,233,288	1,112,909,282,749
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	72,548,956,306	86,827,150,214
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	301,458,791,864	311,191,455,883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	8,165,763,355	7,680,424,096
4. Phải trả người lao động	314		1,512,303,781	2,032,950,857
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1,619,997,469	2,672,481,517
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	15,454,997,381	67,233,591,831
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	586,460,423,132	635,271,228,351
II. Nợ dài hạn	330		9,403,839,931	10,357,168,490
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	9,403,839,931	10,357,168,490
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		478,471,552,955	466,177,249,534
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	478,471,552,955	466,177,249,534
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415,000,000,000	415,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415,000,000,000	415,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400,000,000	400,000,000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,555,530,896	6,555,530,896
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56,516,022,059	44,221,718,638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44,221,718,638	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12,294,303,421	44,221,718,638
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,475,096,626,174	1,589,443,700,773



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 04 năm 2018



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	128,695,331,346	63,440,861,853	128,695,331,346	63,440,861,853
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1	128,695,331,346	63,440,861,853	128,695,331,346	63,440,861,853
4. Giá vốn hàng bán	11	2	118,885,951,342	55,641,420,532	118,885,951,342	55,641,420,532
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,809,380,004	7,799,441,321	9,809,380,004	7,799,441,321
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	20,876,934,208	3,744,222,395	20,876,934,208	3,744,222,395
7. Chi phí tài chính	22	4	12,797,570,707	6,253,200,386	12,797,570,707	6,253,200,386
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12,797,570,707	6,253,200,386	12,797,570,707	6,253,200,386
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	5,309,752,444	4,947,013,543	5,309,752,444	4,947,013,543
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,578,991,061	343,449,787	12,578,991,060	343,449,787
11. Thu nhập khác	31	6	58,888,215	-	58,888,215	-
12. Chi phí khác	32	7	-	57,014,381	-	57,014,381
13. Lợi nhuận khác	40		58,888,215	(57,014,381)	58,888,215	(57,014,381)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12,637,879,276	286,435,406	12,637,879,275	286,435,406
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	8	343,575,855	68,689,957	343,575,855	68,689,957
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12,294,303,421	217,745,449	12,294,303,421	217,745,449

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 04 năm 2018

(Handwritten signature)

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Trưởng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Phương pháp gián tiếp)


Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12,637,879,275	286,435,406
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1,701,643,361	1,252,467,581
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20,995,036,060)	(3,744,222,395)
Chi phí lãi vay	06	12,797,570,707	6,253,200,386
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6,142,057,283	4,047,880,978
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(6,733,685,782)	(19,566,138,947)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4,568,000,544	(36,638,234,878)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(36,115,748,827)	2,543,789,365
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1,306,263,540	(11,124,818,678)
Tiền lãi vay đã trả	14	(13,838,559,327)	(6,152,242,400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1,581,480,532)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(44,671,672,569)	(68,471,245,092)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(285,500,000)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(76,600,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	17,055,839,303	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38,092,497,350	11,710,633,954
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21,737,163,347)	11,710,633,954
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	569,302,528,093	257,415,534,368
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(542,114,404,559)	(204,054,727,661)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1,937,257,312)	(740,200,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40,628,582,650)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15,377,716,428)	52,620,606,707
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(81,786,552,344)	(4,140,004,431)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	95,472,356,908	27,225,375,665
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13,685,804,565	23,085,371,234


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 04 năm 2018


Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng


Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích;
- Tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị thi công (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cung ứng các loại vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị;
- Tư vấn môi giới đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Nuôi trồng thủy sản biển; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ;
- Khai thác, xử lý nước;
- Thu gom, xử lý, tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Bán buôn đồ điện gia dụng; đèn và bộ đèn điện;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Sản xuất đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty CP Cơ khí-Điện Lữ Gia	Tp. Hồ Chí Minh	99.81%	99.81%	Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất, bán buôn, sửa chữa thiết bị điện

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các Công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tồn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	224,424,634	1,140,173
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,343,879,931	85,471,216,735
Các khoản tương đương tiền (i)	10,117,500,000	10,000,000,000
Cộng	13,685,804,565	95,472,356,908

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng và hưởng lãi suất 9%/năm.

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	17,199,603,370	17,199,603,370
Ban Quản Lý Dự án Đường Hồ Chí Minh	14,683,373,802	14,847,188,802
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	4,048,066,096	12,986,962,232
Ban Quản Lý Dự án Giao Thông Nông Thôn Vĩnh Long	3,064,105,754	3,064,105,754
Công ty CP ĐTXD & TM 592	7,851,246,482	13,657,789,253
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C	37,849,126,511	37,832,263,735
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	5,434,870,894	11,943,380,934
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	1,662,271,455	1,662,271,455
Công ty CP Xây Dựng Việt Thịnh Phát	-	7,234,346,799
Phải thu các khách hàng khác	12,332,531,551	20,326,910,796
Cộng	104,125,195,915	140,754,823,130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Trong đó, phải thu các bên liên quan:

Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	1,194,700,000	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	17,199,603,370	17,199,603,370
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	1,280,288,994	1,280,288,994
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C	37,849,126,511	37,832,263,735
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	2,361,600,000	1,936,480,000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	11,332,527	11,332,527
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	1,662,271,455	1,662,271,455
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn	475,696,190	475,696,190
Cộng	62,034,619,047	60,397,936,271

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	33,306,141,733	31,544,135,565
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	61,903,573,371	97,680,609,040
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	-	-
Công ty Cổ Phần Teracons	584,445,114	16,629,150,063
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	28,912,262,655
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	35,312,393,548	44,507,603,081
Các đối tượng khác	9,595,979,077	11,871,379,102
Cộng	140,702,532,843	231,145,139,506

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	28,912,262,655
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	61,903,573,371	97,680,609,040
Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	35,550,000	35,550,000
Cộng	61,939,123,371	126,628,421,695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	88,521,269,766	67,906,062,772
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711,872,739	711,872,739
Ký cược, ký quỹ	29,988,223,999	29,988,223,999
Phải thu người lao động	1,428,394,155	1,666,229,422
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ thuê tài chính	1,596,309,601	1,806,816,184
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu	13,810,579,858	18,420,076,305
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	7,579,986,387	20,186,053,082
Phải thu do chi hộ	24,137,561,984	9,671,468,410
Các khoản phải thu khác	875,155,933	823,945,933
	168,649,354,422	151,180,748,846
b. Phải thu dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	4,194,520,841	4,194,520,841
	4,194,520,841	4,194,520,841
Cộng	172,843,875,263	155,375,269,687
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C (cổ tức)	792,625,000	526,066,695
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C (chi hộ và cổ tức)	958,063,625	958,063,625
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia (cổ tức)	2,920,000,000	15,000,000,000
Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TPHCM (lãi hợp tác đầu tư)	-	10,356,121,582
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (chi hộ và cổ tức)	4,356,351,599	3,631,211,135
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng XLHN (lãi trái phiếu)	10,566,666,667	7,566,666,667
	19,593,706,891	38,038,129,704

5. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24,090,064,492	24,090,064,492
Chi phí dở dang các công trình xây dựng	449,454,003,318	454,022,003,862
Cộng giá gốc hàng tồn kho	473,544,067,810	478,112,068,354
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	473,544,067,810	478,112,068,354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn	246,980,064	160,946,581
Chi phí thuê tài sản trả trước	42,978,600	41,220,900
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	204,001,464	119,725,681
b. Dài hạn	13,113,125,599	14,505,422,622
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	11,985,305,940	13,001,663,077
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	1,127,819,659	1,503,759,545
Cộng	13,360,105,663	14,666,369,203

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	10,821,230,800	13,481,607,452	732,300,000	25,035,138,252
Mua trong năm	850,000,000			850,000,000
Thanh lý trong năm	(850,000,000)			(850,000,000)
Tại ngày 31/03/2018	10,821,230,800	13,481,607,452	732,300,000	25,035,138,252
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	9,519,962,306	6,652,808,081	520,165,838	16,692,936,225
Khấu hao trong năm	319,046,165	326,386,060	10,277,500	655,709,725
Thanh lý trong năm	(18,101,852)			(18,101,852)
Tại ngày 31/03/2018	9,820,906,619	6,979,194,141	530,443,338	17,330,544,098
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	1,301,268,494	6,828,799,371	212,134,162	8,342,202,027
Tại ngày 31/03/2018	1,000,324,181	6,502,413,311	201,856,662	7,704,594,154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị
NGUYÊN GIÁ	VND
Tại ngày 01/01/2018	
Tại ngày 31/03/2018	33,309,876,347
	<u>33,309,876,347</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	5,608,375,280
Khấu hao trong năm	1,040,933,636
Tại ngày 31/03/2018	<u>6,649,308,916</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	27,701,501,067
Tại ngày 31/03/2018	<u>26,660,567,431</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính
NGUYÊN GIÁ	VND
Tại ngày 01/01/2018	
Tại ngày 31/03/2018	160,000,000
	<u>160,000,000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2018	125,031,974
Khấu hao trong năm	5,000,000
Tại ngày 31/03/2018	<u>130,031,974</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2018	34,968,026
Tại ngày 31/03/2018	<u>29,968,026</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2018	<u>5,836,987,368</u>	<u>5,836,987,368</u>
Tại ngày 31/03/2018	<u>5,836,987,368</u>	<u>5,836,987,368</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2018	<u>839,830,635</u>	<u>839,830,635</u>
Tại ngày 31/03/2018	<u>839,830,635</u>	<u>839,830,635</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2018	4,997,156,733	4,997,156,733
Tại ngày 31/03/2018	<u>4,997,156,733</u>	<u>4,997,156,733</u>

Bất động sản đầu tư là giá trị đất và nhà văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2017, công ty đã thu hồi lại nhà và miếng đất đang cho thuê đồng thời đã phá bỏ toàn bộ ngôi nhà trên đất, vì vậy, công ty đã ghi giảm giá trị toàn bộ của căn nhà và không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất này.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*Chi tiết xem tại thuyết minh số 19*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại vào ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
1. Đầu tư vào công ty con	112,610,000,000		112,610,000,000	
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	40,000,000,000		40,000,000,000	
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	7,410,000,000		7,410,000,000	
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	10,000,000,000		10,000,000,000	
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia (i)	55,200,000,000		55,200,000,000	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	120,000,000,000		120,000,000,000	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng XLHN (ii)	120,000,000,000		120,000,000,000	
Cộng	232,610,000,000	-	232,610,000,000	-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.

(ii) Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty CII EC đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu về cho vay là các bên liên quan	227,015,613,410	197,574,190,058
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh-vốn gốc</i>	<i>160,803,350,755</i>	<i>197,574,190,058</i>
<i>Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng CII E&C</i>	<i>37,300,000,000</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi</i>	<i>28,912,262,655</i>	-
Phải thu về cho vay khác	54,413,971,136	-
<i>Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt</i>	<i>15,545,971,136</i>	-
<i>Công ty CP Teracons</i>	<i>38,868,000,000</i>	-
	281,429,584,546	197,574,190,058

Trong quý 1 năm 2018, Công ty đã chuyển các khoản tạm ứng thi công và mua vật tư của các công ty nêu trên sang công nợ cho vay để tính lãi theo các hợp đồng cho vay ký ngày 01/01/2018 với lãi suất cố định là 8.5%/năm.

13. NỢ XẤU

	31/03/2018			01/01/2018			Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	
Phải thu giá trị thi công công trình	1,234,021,590	-	>3 năm	1,234,021,590	-	>3 năm	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 8
Phải thu giá trị thi công công trình	418,458,433	80,536,679	2-3 năm	418,458,433	80,536,679	2-3 năm	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện Hóc Môn
Phải thu giá trị thi công công trình	1,267,043,542	-	>3 năm	1,267,043,542	-	>3 năm	Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 3
Phải trả nhà cung cấp	419,262,463	125,778,739	2-3 năm	419,262,463	125,778,739	2-3 năm	Công ty TNHH Thông Dung
Cộng	3,338,786,028	206,315,417		3,338,786,028	206,315,417		
Giá trị đã lập dự phòng		3,132,470,610			3,132,470,611		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần ROADCO	16,068,998,096	16,068,998,096	2,356,566,490	2,356,566,490
Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Toàn Cầu	2,592,583,988	2,592,583,988	1,080,165,604	1,080,165,604
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	22,211,246,399	22,211,246,399	55,011,246,399	55,011,246,399
Công ty TNHH XD Fico Corea	6,585,186,588	6,585,186,588	6,506,067,037	6,506,067,037
Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Nam Mê Kong	5,083,531,201	5,083,531,201	-	-
Công ty CP Xây dựng và Quảng cáo 3T	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	5,541,441,910	5,541,441,910	1,734,262,119	1,734,262,119
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	5,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty Cổ phần Cơ Khí -Điện Lữ Gia	1,053,136,287	1,053,136,287	3,053,136,287	3,053,136,287
Công ty CP Đầu tư Phát Triển Trung Nam	1,399,204,082	1,399,204,082	1,399,204,082	1,399,204,082
Các nhà cung cấp khác	7,013,627,755	7,013,627,755	10,686,502,196	10,686,502,196
Cộng	72,548,956,306	72,548,956,306	86,827,150,214	86,827,150,214

Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	22,211,246,399	22,211,246,399	55,011,246,399	55,011,246,399
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	5,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	273,845,000	273,845,000	273,845,000	273,845,000
Công ty Cổ phần Cơ Khí - Điện Lữ Gia	1,053,136,287	1,053,136,287	3,053,136,287	3,053,136,287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	284,938,041,850	284,848,791,514
<i>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</i>	24,942,814,720	21,985,982,226
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội</i>	212,130,264,513	241,075,263,282
<i>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</i>	47,864,962,617	21,787,546,006
Các đối tượng khác	16,520,750,014	26,342,664,369
<i>Công ty Cổ Phần Thanh Bình Phú Mỹ</i>	618,901,514	4,597,699,863
<i>Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Hoa Lư</i>	15,901,848,500	15,901,848,500
<i>Khác</i>	-	5,843,116,006
Cộng	301,458,791,864	311,191,455,883

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,096,936,191	343,575,855	-	6,440,512,046
Thuế thu nhập cá nhân	1,583,487,905	141,763,404	-	1,725,251,309
Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
Cộng	7,680,424,096	488,339,259	3,000,000	8,165,763,355

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1,619,997,469	2,672,481,517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	206,243,003	2,934,670
Bảo hiểm y tế	36,440,407	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9,757,030	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8,997,450	40,637,580,100
Phải trả về mua cổ phần	410,000,000	410,000,000
Phải trả lãi vay	80,939,872	69,444,444
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	2,768,585,707	5,910,694,366
Phải trả các Công ty thi công Quốc lộ 1 tỉnh Ninh Thuận	11,223,974,434	19,499,026,442
Phải trả các khoản chi hộ	99,880,822	91,943,497
Các khoản phải trả, phải nộp khác	610,178,656	611,968,312
Cộng	15,454,997,381	67,233,591,831
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C (chi hộ)	99,880,822	91,943,497
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh	11,495,428	21,165,112,000
Cộng	111,376,250	21,257,055,497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị có khả năng thanh toán		Giá trị có khả năng thanh toán	
	Nợ gốc VND	Tăng VND	Nợ gốc VND	Giảm VND
a. Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh (i)	212,961,914,702	88,058,507,099	198,930,441,987	198,930,441,987
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	89,760,352,963	74,760,352,963	118,744,716,820	118,744,716,820
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (iii)	225,327,212,140	56,483,668,031	308,201,197,464	308,201,197,464
Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận (iv)	50,000,000,000	50,000,000,000	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	8,410,943,327	8,410,943,327	9,394,872,080	9,394,872,080
Cộng	586,460,423,132	269,302,528,093	635,271,228,351	635,271,228,351
b. Dài hạn				
Công ty TNHH Cho Thuế Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	17,814,783,258	1,937,257,312	19,752,040,570	19,752,040,570
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(8,410,943,327)	(8,410,943,327)	(9,394,872,080)	(9,394,872,080)
Cộng	9,403,839,931	-	10,357,168,490	10,357,168,490

(i) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ký ngày 3 tháng 7 năm 2017 với hạn mức vay là 250.000.000.000 VND. Kỳ hạn của mỗi khoản vay là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay của các khoản vay còn dư nợ là 7,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng ký ngày 11 tháng 5 năm 2017 với hạn mức vay là 120.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 12 tháng. Số dư nợ vay sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 3 năm 2018. Lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ tuy nhiên không thấp hơn lãi suất ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh quy định theo từng thời kỳ. Lãi suất đang áp dụng cho số dư nợ vay là 7,5%/năm. Mục đích của khoản vay là để bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của CII E&C với bên thứ 3. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tương đương trị giá 15 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 10 tháng 3 năm 2017 với hạn mức vay ngắn hạn là 500.000.000.000 VND và bảo lãnh tối đa là 300.000.000.000 VND. Kỳ hạn của các khoản vay là từ dưới 6 tháng. Lãi suất vay cho các khoản vay còn nợ tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính trong khoảng 6% - 7,5%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và thực hiện bảo lãnh thi công các công trình xây dựng. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; hệ thống đúc hẫng; xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2; xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48 và xe ô tô Hyundai (SANTAFE) biển số: 51A-856.54 để đảm bảo cho khoản vay này.

(iv) Số dư nợ vay tại Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận là khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 14/BOT-TLMT/2018 ký ngày 05 tháng 01 năm 2018 với giá trị là 50.000.000.000 VND, thời hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay, lãi suất cho vay là 6.5% được thanh toán vào ngày thanh toán toàn bộ tiền gốc hoặc căn trừ vào số tiền tạm ứng hợp đồng xây lắp.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	415,000,000,000	400,000,000	6,491,138,089	43,200,441,891	465,091,579,980
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	44,221,718,638	44,221,718,638
Chia cổ tức	-	-	-	(41,500,000,000)	(41,500,000,000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	64,392,807	(1,636,049,084)	(1,636,049,084)
Trích quỹ đầu tư phát triển	415,000,000,000	400,000,000	6,555,530,896	44,221,718,638	466,177,249,534
Tại ngày 01/01/2018	415,000,000,000	400,000,000	6,555,530,896	12,294,303,421	478,471,552,955
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	56,516,022,059	56,516,022,059
Tại ngày 31/03/2018	415,000,000,000	400,000,000	6,555,530,896	68,810,325,480	490,765,856,376

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
185 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tên cổ đông	31/03/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	51.00%	211,651,120,000	51.00%	211,651,120,000
Các cổ đông khác	49.00%	203,348,880,000	49.00%	203,348,880,000
Cộng	100%	415,000,000,000	100%	415,000,000,000
		31/03/2018		01/01/2018
		Cổ phần		Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành		41,500,000		41,500,000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng		41,500,000		41,500,000
+ Cổ phần phổ thông		41,500,000		41,500,000
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)		-		-
+ Cổ phần phổ thông		-		-
Số lượng cổ phần đang lưu hành		41,500,000		41,500,000
+ Cổ phần phổ thông		41,500,000		41,500,000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	124,662,937,633	62,457,783,537
Doanh thu bán hàng	2,373,080,080	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1,659,313,633	983,078,316
Cộng	128,695,331,346	63,440,861,853
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	-	-
Doanh thu thuần	128,695,331,346	63,440,861,853

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	115,490,133,082	49,412,381,972
Giá vốn hàng đã bán	2,400,230,080	3,350,533,409
Giá vốn của dịch vụ	995,588,180	2,878,505,151
Cộng	118,885,951,342	55,641,420,532

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9,956,934,208	3,744,222,395
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10,920,000,000	-
Cộng	20,876,934,208	3,744,222,395

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12,470,435,417	5,933,798,504
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	327,135,290	319,401,882
Cộng	12,797,570,707	6,253,200,386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3,277,426,776	3,356,056,520
Chi phí đồ dùng văn phòng	6,802,837	(98,551,073)
Chi phí khấu hao	370,712,960	188,652,632
Chi phí công tác, tiếp khách	378,368,340	656,551,286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	718,382,911	-
Chi phí bằng tiền khác	558,058,620	844,304,178
Cộng	5,309,752,444	4,947,013,543

6. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	31,738,215	-
Thu nhập khác	27,150,000	-
Cộng	58,888,215	-

7. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
	VND	VND
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	-	20,703,899
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	-	36,310,482
Cộng	-	57,014,381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12,637,879,275	286,435,406
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	-	57,014,381
Cổ tức, lợi nhuận được chia, các khoản thu nhập khác	(10,920,000,000)	-
Thu nhập chịu thuế	1,717,879,275	343,449,787
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	343,575,855	68,689,957
Chi phí thuế TNDN hiện hành	343,575,855	68,689,957

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Công ty con
Công ty CP Cơ khí-Điện Lữ Gia	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đất Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi:		
<i>Ứng trước tiền mua đá Granite</i>	-	28,912,262,655
<i>Lợi nhuận được chia từ công ty con</i>	3,731,955,204	3,731,955,204
<i>Chi hộ</i>	10,010,814	10,010,814
<i>Phải thu cho thuê thiết bị</i>	2,361,600,000	1,936,480,000
<i>Phải thu về cho vay - gốc</i>	28,912,262,655	-
<i>Phải thu về cho vay- lãi</i>	614,385,581	-
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội:		
<i>Mua trái phiếu</i>	120,000,000,000	120,000,000,000
<i>Lãi phát sinh từ mua trái phiếu</i>	10,566,666,667	7,566,666,667
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
<i>Phải thu thi công</i>	11,332,527	11,332,527
<i>Phải thu hợp tác đầu tư thi công dự án-gốc</i>	160,803,350,755	197,574,190,058
<i>Phải thu hợp tác đầu tư thi công dự án-lãi</i>	-	10,356,121,582
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Phải thu khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận- giai đoạn 2 và trạm thu phí cà ná</i>	17,199,603,370	17,199,603,370
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận: <i>Phải thu khối lượng thi công xây dựng trạm thu phí Thành Hải</i>	1,280,288,994	1,280,288,994
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn: <i>Phải thu khối lượng thi công xây dựng cầu Sài Gòn</i>	475,696,190	475,696,190
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII:		
<i>Ứng trước tiền mua giá long môn</i>	35,550,000	35,550,000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C:		
<i>Phải thu về cho vay - gốc</i>	37,300,000,000	-
<i>Phải thu về cho vay - lãi</i>	792,625,000	-
<i>Tạm ứng tiền mua vật tư</i>	61,903,573,371	97,680,609,040
<i>Phải thu thanh lý TSCĐ</i>	950,000,000	-
<i>Phải thu cho thuê thiết bị</i>	244,700,000	-
<i>Phải thu lợi nhuận được chia</i>	-	526,066,695
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C:		
<i>Phải thu thanh lý TSCĐ</i>	1,136,707,201	1,136,707,201
<i>Phải thu bán vật tư</i>	29,044,790,050	28,278,952,274
<i>Phải thu cho thuê thiết bị</i>	7,667,629,260	8,416,604,260
<i>Phải thu khoản chi hộ</i>	30,032,442	30,032,442
<i>Phải thu lợi nhuận được chia</i>	928,031,183	928,031,183
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia:		
<i>Lợi nhuận được chia</i>	2,920,000,000	15,000,000,000
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741</i>	1,662,271,455	1,662,271,455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản phải trả

Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội:		
<i>Nhận ứng trước khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	212,130,264,513	241,075,263,282
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hồng 18/2017)-lãi</i>	11,495,428	-
<i>Phải trả cổ tức</i>	-	21,165,112,000
Công ty CP Kỹ thuật Enviro: <i>Phải trả mua ồng và phụ kiện</i>	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng: <i>phải trả phí vệ sinh mặt đường</i>	273,845,000	273,845,000
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia: <i>phải trả phí di dời trạm thu phí</i>	1,053,136,287	3,053,136,287
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C: <i>phải trả thi công công trình Thủ Thiêm</i>	22,211,246,399	55,011,246,399
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu : <i>Khối lượng thi công dự án QL60</i>	47,864,962,617	21,787,546,006
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Tạm ứng thi công dự án Thủ Thiêm</i>	24,942,814,720	21,985,982,226
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C: <i>Phải trả chi hộ</i>	99,880,822	91,943,497
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận- vay	50,000,000,000	-

Nghiệp vụ với các bên liên quan

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	-	100,000,000,000
<i>Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	-	97,941,666,667
<i>Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016</i>	55,300,000,000	34,000,000,000
<i>Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016</i>	17,055,839,303	2,083,761,510
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 28/2017</i>	300,000,000,000	-
<i>Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 28/2017</i>	224,985,000,000	-
<i>Chi phí sử dụng vốn phải trả theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	-	100,957,986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Trả chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII	-	58,333,333
Chi phí sử dụng vốn phải thu theo hợp đồng 41/2016	4,069,373,687	3,349,791,091
Thu chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 41/2016	12,944,160,697	916,238,490
Chi phí sử dụng vốn phải trả theo hợp đồng 28/2017	1,507,830,000	-
Cần trừ công nợ hợp tác đầu tư-lãi	1,481,334,572	-
Chuyển tiền cổ tức	21,165,112,000	-
Nhận vốn thi công dự án Thủ Thiêm	-	1,028,837,608
Cần trừ công nợ hợp tác đầu tư -gốc	75,015,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội	32,275,985,422	69,756,243,867
Doanh thu xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	55,655,440,174	14,383,547,246
Lãi phát sinh từ mua trái phiếu	3,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận:		
Thu tiền khối lượng thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1A	-	10,918,582,259
Doanh thu xây lắp công trình mở rộng Quốc lộ 1A	-	9,152,737,313
Thu tiền khối lượng thi công trạm thu phí Cà Ná	-	6,470,789,461
Doanh thu xây lắp Trạm thu phí Cà Ná	-	19,410,800,128
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn:		
Doanh thu thi công dự án Củ Chi	-	3,233,302,193
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi	-	46,645,464,000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Doanh thu thi công	13,415,983,808	8,106,538,545
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	17,714,414,683	55,484,482,467
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG:		
Doanh thu thi công	4,545,454,545	8,170,858,112
Thu tiền thi công dự án DT 741	5,000,000,000	8,617,171,519
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Doanh thu thi công dự án QL60	46,212,381,217	-
Thu tiền thi công dự án QL60	76,911,035,949	-
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Thu tiền vay	50,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi:		
Chuyển sang cho vay	28,912,262,655	-
Lãi cho vay phải thu	614,385,581	-
Ứng trước tiền mua đá Granite	-	6,300,000,000
Doanh thu cho thuê thiết bị	386,472,727	563,636,364
Thu tiền thi công bốc tăng phủ và cho thuê thiết bị	-	1,890,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII:		
Chuyển sang đầu tư vào công ty con LGC	-	78,000,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C:

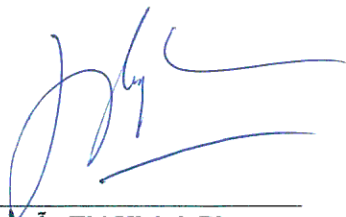
Tạm ứng tiền mua vật tư	29,000,000,000	52,949,547,901
Vay chuyển tiền mua vật tư	69,886,835,608	57,939,931,410
Công ty VLXD CII E& C hoàn trả lại tiền	52,900,000,000	53,585,053,410
Nhập kho vật tư	40,765,210,196	37,416,928,284
Trả lại vật tư	343,509,036	-
Chuyển sang cho vay	37,300,000,000	-
Lãi cho vay phải thu	792,625,000	-
Thu tiền cho thuê thiết bị	489,400,000	-
Doanh thu cho thuê thiết bị	667,363,636	-
Phải thu tiền chi hộ điện nước	33,037,715	-
Phải trả tiền chi hộ điện nước	40,975,040	-
Thu tiền lợi nhuận 2017	526,066,695	-
Bán tài sản cho công ty con	863,636,363	-
Thu tiền bán TSCĐ		

Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C:

Tạm ứng chi phí thi công CT	36,800,000,000	12,339,084,703
Công ty XDDD CII E&C hoàn trả lại vốn thi công	4,000,000,000	1,000,000,000
Vay chuyển tiền cho Cty XDDD	-	33,000,000,000
Cty XDDD chuyển trả lại tiền	-	33,000,000,000
Doanh thu bán vật tư	696,216,160	-
Doanh thu cho thuê thiết bị	228,204,545	-
Thu tiền thuê thiết bị	1,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia:		
Chuyển tiền di dời trạm thu phí	2,000,000,000	-
Lợi nhuận được chia 2016	-	15,000,000,000
Thu tiền lợi nhuận năm 2016	15,000,000,000	-
Lợi nhuận được chia 2017	10,920,000,000	-
Thu tiền lợi nhuận 2017	8,000,000,000	-

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng:

Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	-	263,950,000
---	---	-------------



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 04 năm 2018



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc